TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 6 - 2025
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chu Thị Hồng Nhật
2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: thôn Q, xã Q1, huyện Q2, tỉnh T. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái H**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: thôn T1, xã T2, thành phố T3, tỉnh T3. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thái H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T2, thành phố T3, tỉnh T3 vào ngày 08/5/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh H tại thôn T1, xã T2,

thành phố T3, tỉnh T3. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn mặc dù chị đã khuyên nhủ nhưng anh H vẫn không thay đổi, anh H thi thoảng còn đánh đạp, chửi mắng, đe dọa giết chị nếu chị rời bỏ anh ấy. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên đến ngày 19/6/2024 chị đã về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Q, xã Q1, huyện Q2, tỉnh T, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Sau khi chị bỏ đi, anh H có gọi điện và qua tìm chị nhưng chị không đồng ý quay về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Thái H trình bày:*

Anh và chị Trần Thị M có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến khoảng tháng 5-6 năm 2024 chị M có nói với anh vì nợ nần nên chị phải đi để mọi người không biết. Sau đó chị M bỏ đi, từ dó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Từ khi chị M bỏ đi, cũng có vài lần chị M về qua nhà. Ngoài lý do chị M nói là do nợ nần thì không có lý do nào khác. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh xác định giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2025, ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1956; Trú tại: thôn T1, xã T2, thành phố T3, tỉnh T3 là bố đẻ của anh Nguyễn Thái H trình bày:*

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Thái H có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 5-6 năm 2024 không biết vì lý do gì chị M bỏ đi. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H, đại diện gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không yêu cầu nên gia đình không có ý kiến gì.

** Tại Đơn đề nghị của ông Trần Ngọc T4, sinh năm 1958 và bà Lê Thị C, sinh năm 1962; Trú tại: thôn Q, xã Q1, huyện Q2, tỉnh T, là bố mẹ đẻ của chị Trần Thị M trình bày:*

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Thái H có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà được biết giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vụ thể như thế nào thì ông bà không nắm được. Ông bà có nghe chị M nói là do anh H thi thoảng chửi mắng, đe đọa, đánh đập chị M.

Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên đến khoảng giữa tháng 6/2024 chị M đã về gia đình ông bà ở tại thôn Q, xã Q1, huyện Q2, tỉnh T, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Sau khi chị M về gia đình ông bà ở, anh H có qua tìm gặp chị M nhưng chị M không đồng ý quay lại. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H, quan điểm của gia đình xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, khó mà hàn gắn được nên ông bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản: Giữa anh chị có tài sản chung gì, nợ chung gì của ai hay không thì ông bà không biết. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên ông bà không có ý kiến gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị M ly hôn với anh Nguyễn Thái H. Về con chung: Anh chị không có con chung, không đặt ra giải quyết. Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên toà để tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thái H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Thái H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2023, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng giữa tháng 6/2024 thì anh chị

sống ly thân từ đó đến nay. Chị M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu khó làm ăn, có hành vi đánh đập, chửi mắng đe dọa chị M. Mặc dù anh H trình bày giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy anh chị đều xác định đã sống ly thân từ giữa tháng 6/2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị M ly hôn anh H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Thái H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2. Về con chung: Chị M và anh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

(Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000171 ngày 25/4/2025 thành án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị M và bị đơn anh Nguyễn Thái H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã C1, huyện C2, tỉnh T; GCNKH số 07 ngày 08/5/2023).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Khánh Linh